

Bản án số: 07/2024/HNGĐ-ST
Ngày 06 tháng 02 năm 2024
V/v “*Tranh chấp hôn nhân gia đình*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VT, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Thành Công

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Ngọc Triển, ông Phan Duy Lục

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Xuân Chín – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VT tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện VT xét xử sơ thẩm công khai vụ án HNGĐ thụ lý số: 395/2023/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hôn nhân gia đình*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1980, có mặt
Nơi cư trú: Khu 5, thị trấn TTr, huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc

Bị đơn: Anh Lê Văn Th, sinh năm 1979, vắng mặt
Nơi ĐKKHKT tại: Thôn YT, xã BD, Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc
Nơi ở hiện tại: Thôn PD, xã BD, Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 10 năm 2023 và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Ngọc L trình bày:

Về quan hệ tình cảm vợ chồng: Chị và anh Lê Văn Th kết hôn ngày 12/11/2004, trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BD, huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi kết hôn, chị về làm dâu và chung sống với gia đình anh Th. Quá trình chung sống, thời gian đầu tình cảm vợ chồng bình thường. Đến năm 2017, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, mặc dù ở chung nhà nhưng cuộc sống riêng rẽ, không quan tâm gì đến nhau. Đến tháng 01/2021, vợ chồng mâu thuẫn càng tăng nên chị đã bỏ về gia đình bố mẹ đẻ ở khu 5, thị trấn TTr, huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc sinh sống và vợ chồng chấm dứt quan hệ tình cảm từ thời gian đó cho đến nay, không có dàn xếp gì. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng về quan điểm trong cuộc sống và sinh hoạt hàng ngày dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau.

Chị xác định tình cảm với anh Th không còn, chị xin được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là cháu Lê Như Quỳnh, sinh ngày 06/11/2005, cháu Lê Thùy Linh, sinh ngày 10/9/2008 và cháu Lê Hoàng Dương, sinh ngày 21/02/2017. Hiện cháu Quỳnh đã trưởng thành, tự lao động nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu Linh, cháu Dương đang ở cùng với chị ở thị trấn TTr. Ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Dương và để anh Th được nuôi dưỡng cháu Linh. Chị không yêu cầu anh Th phải đóng góp nuôi chung cùng chị.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị L tự nguyện chịu nộp.

Bị đơn là anh Lê Văn Th vắng mặt tại phiên tòa (có đơn xin xét xử vắng mặt), nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 11/01/2024 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh xác nhận thời gian kết hôn, chung sống và thời gian vợ chồng sống ly thân như chị L trình bày là đúng. Về nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không có tiếng nói chung trong làm ăn kinh tế, làm ăn thua lỗ dẫn đến việc nợ nần, cuộc sống vợ chồng gặp nhiều khó khăn. Từ mâu thuẫn trên khiến tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, không quan tâm gì đến nhau, vợ chồng thường xuyên xảy ra xích mích cãi nhau.

Nay chị L làm đơn ly hôn, anh xác định tình cảm không còn, anh cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung như chị L trình bày là đúng. Ly hôn, anh yêu cầu được nuôi cháu Dương và để chị L được nuôi cháu Linh. Anh không yêu cầu chị L phải đóng góp nuôi chung cùng anh.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và các bên đương sự đã chấp hành đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí.

Xử cho chị Nguyễn Thị Ngọc L được ly hôn anh Lê Văn Th.

Về con chung: Giao cho chị L được nuôi dưỡng cháu Lê Hoàng Dương, sinh ngày 21/02/2017 và để anh Th được nuôi dưỡng cháu Lê Thùy Linh, sinh ngày 10/9/2008; hai bên không phải đóng góp nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: không đề nghị HĐXX giải quyết.

Về án phí: Chị L phải chịu nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Ngọc L khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn Th. Bị đơn có nơi cư trú tại xã BD, huyện VT, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện VT theo quy định tại các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bị đơn là anh Lê Văn Th vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Th theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị L và anh Th là tự nguyện, hợp pháp, có đăng ký kết hôn với nhau theo quy định của pháp luật và đã có thời gian chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Tuy nhiên, thời gian gần đây vợ chồng phát sinh các mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng về quan điểm trong cuộc sống, làm ăn kinh tế, quản lý chi tiêu trong gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Quan điểm trình bày về mâu thuẫn vợ chồng phù hợp với kết quả xác minh tại UBND xã BD (nơi vợ chồng cư trú); Như vậy, việc vợ chồng xin ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần được chấp nhận.

2.2. Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là cháu Lê Như Quỳnh, sinh ngày 06/11/2005, cháu Lê Thùy Linh, sinh ngày 10/9/2008 và cháu Lê Hoàng Dương, sinh ngày 21/02/2017. Hiện nay, các cháu đang sống cùng chị L tại thị trấn TTr. Quá trình giải quyết vụ án, chị L, anh Th đều yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Dương và để phía bên kia nuôi dưỡng cháu Linh. Do cháu Quỳnh đã thành niên, đủ điều kiện nuôi sống bản thân nên anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét nguyện vọng nuôi con của chị L, anh Th đều là chính đáng. Bản thân anh, chị đều có công việc, thu nhập ổn định, đủ điều kiện để nuôi con. Nhưng xét nguyện vọng của các con trên 07 tuổi theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình khi vợ chồng không thỏa thuận được với nhau về người trực tiếp nuôi con; trường hợp này cháu Dương đang trực tiếp do chị L nuôi dưỡng, cháu Dương có quan điểm muốn sống cùng với mẹ. Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cho chị L được nuôi dưỡng cháu Lê Hoàng Dương và để anh Th được nuôi dưỡng cháu Lê Thùy Linh là phù hợp với nguyện vọng của con chưa thành niên. Hai bên không phải đóng góp nuôi con chung.

Đối với cháu Lê Như Quỳnh, sinh ngày 06/11/2005; hiện đã đủ 18 tuổi, có khả năng lao động tự túc; các bên không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

2.3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí: Chị L phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 26 Luật thi hành án dân sự. Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Ngọc L và anh Lê Văn Th được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Ngọc L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lê Hoàng Dương, sinh ngày 21/02/2017. Giao cho anh Lê Văn Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lê Thùy Linh, sinh ngày 10/9/2008 (hiện các con đang sống cùng chị L).

Chị L, anh Th không phải đóng góp nuôi con chung cùng nhau.

Vì quyền lợi của con chung, sau khi ly hôn, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức đóng góp nuôi con. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định, không ai được cản trở.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Các đương sự không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc L phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí số: 0004628 ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện VT.

5. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ hoặc ngày bản án được niêm yết tại nơi cư trú theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện VT;
- THADS huyện VT;
- UBND xã BD, tỉnh Vĩnh Phúc;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thành Công

